

Số: 755 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông Km12+078-Km12+290 và bổ sung hệ
thống ATGT đoạn Km0 - Km20, ĐT.112**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1274/TTr-SGTVT ngày 27/4/2023 và Kết quả thẩm định số 1256/KQTD-SGTVT ngày 26/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông Km12+078-Km12+290 và bổ sung hệ thống ATGT đoạn Km0 - Km20, ĐT.112.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu: Đảm bảo an toàn giao thông, cải thiện và nâng cao khả năng khai thác công trình.

4.2. Quy mô và giải pháp sửa chữa chủ yếu

4.2.1. *Quy mô*: Tuân thủ quy mô hiện trạng tuyến đường đang khai thác.

4.2.2. *Giải pháp sửa chữa chủ yếu*

a) *Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đoạn Km12+078-Km12+290*:

- Điều chỉnh cục bộ hướng tuyến, tăng bán kính đường cong nằm, mở rộng nền, mặt đường để đảm bảo tầm nhìn.

- Kết cấu mặt đường, lề đường:

+ Sửa chữa mặt đường cũ: Vệ sinh, tạo nhám bù vênh, tăng cường móng đá dăm nước lớp trên dày 15cm, trên lán nhựa 03 lớp dày 3,5cm (TCN 4,5kg/m²), vuốt nối hài hòa về mặt đường cũ đảm bảo êm thuận.

+ Mặt đường mở rộng: Lán nhựa 03 lớp dày 3,5cm (TCN 4,5kg/m²)/ móng đá dăm nước (lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 20cm)/ khuôn đường đầm chặt $K \geq 98$.

+ Lề đường: Đoạn tiếp giáp rãnh dọc gia cố bằng BTXM M250 dày 20cm; các đoạn còn lại đắp đất đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$, phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa, đảm bảo thoát nước ngang.

- Rãnh dọc: Gia cố rãnh dọc, kết cấu rãnh lắp ghép hình thang kích thước (40x40x120)cm, thành lắp ghép bằng BTXM M200 đúc sẵn, đáy BTXM M200 đổ tại chỗ.

- Tại Km12+155,19 xây dựng cống tròn $D=100\text{cm}$ (thay thế cống bản $L_o = 0,75\text{m}$), tải trọng thiết kế H30-XB80, tần suất thiết kế $P=4\%$, tường đầu bằng kè BTXM M200, trên ốp mái taluy BTXM M200 (lưới thép D6mm) để đảm bảo chống xói.

- Km12+90-Km120+100: Gia cố mái taluy âm bằng rọ thép kích thước (2x1x1)m để đảm bảo ổn định.

- Bổ sung biển báo, tiêu phản quang; sơn gờ giảm tốc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.

b) *Bổ sung hệ thống an toàn giao thông Km0-Km20*:

- Bổ sung tôn lượn sóng tại các vị trí vực sâu, bán kính đường cong nhỏ, dốc dọc lớn gồm: 43đoạn/ 5.306m, khoảng cách 2m/cột, móng cột BTXM M200, vị trí tấm đầu, tấm cuối được thiết kế cuốn tròn.

- Bổ sung biển nguy hiểm và cảnh báo: Biển số I.445h “*Biển báo đường xuống dốc liên tục*” tại 03 vị trí Km6+470, Km12+700, Km15+800; Biển số I.445c “*Biển báo đoạn đường sương mù, tầm nhìn hạn chế phải đi chậm, tập trung quan sát*” tại 02 vị trí Km7+800, Km17+800; Biển số P.125 “*Biển báo cấm vượt*” tại 02 vị trí Km13+950, Km19+600; Biển số 203 “*Biển báo đường bị thu hẹp*” tại 12 vị trí Km0+900, Km1+350, Km2+00, Km2+200, Km5+100,

Km5+400, Km5+700, Km5+950, Km7+850, Km8+100, Km11+350, Km11+600; Biển số W.201 và W.202 “*Biển báo chỗ ngoặt nguy hiểm*” tại 03 vị trí Km2+300, Km5+420; Km6+280; Biển số W.228 “*Biển báo đá lở*” tại 04 vị trí Km9+650, Km9+800, Km11+700, Km11+780 để đảm bảo an toàn khai thác công trình.

c) *Khối lượng, nội dung chi tiết*: Theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thẩm định.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La;
- Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Kỹ sư Nguyễn Trung Hiếu.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- Diện tích đất sử dụng: 5,5 ha (trong phạm vi xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông).

7. Loại, nhóm dự án: Sửa chữa công trình đường bộ đang khai thác, nhóm C.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 13567:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- TCCS 40:2022/TCĐBVN Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng thông thường trong xây dựng công trình giao thông;
- TCVN 8863:2011 Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9504:2012 Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574:2012 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 7570:2006 Yêu cầu kỹ thuật cốt liệu cho bê tông và vữa;
- TCVN 1651-1:2008; 1651-2:2008 Thép cốt bê tông;
- TCVN 8817-1:2011 Nhũ tương nhựa đường axit - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8818-1:2011 Nhựa đường lỏng - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8791:2011 Yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông;

- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 11.300.000.000,0 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 9.946.822.000 đồng;
- Chi phí QLDA : 218.758.000 đồng;
- Chi phí tư vấn : 643.207.000 đồng;
- Chi phí khác : 149.802.552 đồng;
- Chi phí dự phòng : 315.649.448 đồng;
- Chi phí GPMB : 25.761.000 đồng.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (theo Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải Sơn La (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án tuân thủ theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ thời gian, chất lượng, hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bắc Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh